

「법인소득세법」

[법률 제14/2008/QH12호, 2008.6.3., 제정]

□ 개 요

베트남 「법인소득세법」 제14/2008/QH12호가 2008년 6월 3일 국회에서 통과되면서 기존 「법인소득세법」인 제09/2003/QH11호는 2009년 1월 1일부로 폐기되었다. 이후 2013년 6월 19일 제13대 국회 제5차 회의에서 법인소득세법의 일부 개정안인 「법인소득세법에 관한 개정조항」 제32/2013/QH13호가 통과되어 2014년 1월 1일부로 시행되고 있다. 이 법은 총 4장 19조로 구성되어 있으며 납세자, 과세소득, 면세소득, 과세 근거와 방법, 법인소득세 우대에 관하여 규정하고 있다.

□ 목 차

원문	번역문
Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Điều 2. Người nộp thuế Điều 3. Thu nhập chịu thuế Điều 4. Thu nhập được miễn thuế Điều 5. Kỳ tính thuế	제1장 총칙 제1조. 적용 범위 제2조. 납세자 제3조. 과세소득 제4조. 면세소득 제5조. 과세기간

Chương II CĂN CỨ VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH THUẾ Điều 6. Căn cứ tính thuế Điều 7. Xác định thu nhập tính thuế Điều 8. Doanh thu Điều 9. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế Điều 10. Thuế suất Điều 11. Phương pháp tính thuế Điều 12. Nơi nộp thuế Chương III ƯU ĐÃI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP Điều 13. Ưu đãi về thuế suất Điều 14. Ưu đãi về thời gian miễn thuế, giảm thuế Điều 15. Các trường hợp giảm thuế khác Điều 16. Chuyển lỗ Điều 17. Trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp Điều 18. Điều kiện áp dụng ưu đãi thuế Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH Điều 19. Hiệu lực thi hành	제2장 과세 근거와 방법 제6조. 과세 근거 제7조. 과세소득 확정 제8조. 매출 제9조. 과세소득 확정 시 손금과 손금불산입 비용 제10조. 세율 제11조. 과세 방법 제12조. 납세지 제3장 법인소득세 우대 제13조. 세율 우대 제14조. 면세·감세 기간 우대 제15조. 기타 감세 제16조. 손실이월 제17조. 법인의 과학·기술 발전기금 공제 제18조. 세금우대 적용 조건 제4장 시행 조항 제19조. 시행 효력
--	---